



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **16** tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp,
sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ, về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 324/TTr-SXD ngày 23/7/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **26** tháng 9 năm 2019.^{tr}

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; (b/c)
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, TT Công báo;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP,
- Các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, CN. (VT.10).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

QUY ĐỊNH

Về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số **19** /2019/QĐ-UBND
ngày **16** tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung khác không nêu trong Quy định này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (sau đây viết tắt là Nghị định số 117/2007/NĐ-CP) và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố được phân công quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chính sách, kế hoạch phát triển cấp nước

1. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp nước. Các đơn vị cấp nước được nhà nước ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cấp nước cho mục đích sinh hoạt.

3. Đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước phải phù hợp Kế hoạch phát triển cấp nước được duyệt, Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương, Quy hoạch vùng tỉnh, Quy hoạch chung xây dựng đô thị, nông thôn và nhu cầu thực tế cấp nước.

Điều 4. Sử dụng nguồn nước cho hoạt động cấp nước

1. Các cấp chính quyền, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc phá hoại nguồn nước.

2. Trường hợp nguồn nước hạn chế do điều kiện tự nhiên hoặc hạn hán kéo dài, thiên tai, chiến tranh, việc cung cấp nguồn nước thô cho cấp nước sinh hoạt được ưu tiên hàng đầu.

3. Khai thác, sử dụng nguồn nước hợp lý, phối hợp sử dụng nguồn nước mặt và từng bước hạn chế sử dụng nước ngầm để cung cấp nước trên cơ sở quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh hoặc quy hoạch tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Phát triển hệ thống cấp nước đô thị

1. Đối với các khu dân cư thuộc vùng phục vụ cấp nước, đơn vị cấp nước căn cứ Kế hoạch phát triển cấp nước có trách nhiệm đầu tư cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước đến điểm lắp đặt đồng hồ đo nước, bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước vào mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau.

2. Đối với khu dân cư xây dựng mới theo các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị. Hệ thống cấp nước phải được đầu tư đồng bộ theo dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư của dự án đó, đảm bảo điều kiện đấu nối sử dụng. Trước khi đưa vào vận hành, chủ đầu tư chuyển giao công trình cho đơn vị cấp nước. Việc chuyển giao công trình và xử lý tăng giảm vốn đầu tư thực hiện theo trình tự, quy định hiện hành về tài sản cố định.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thỏa thuận điểm đấu nối cấp nước các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị khi có yêu cầu của các chủ dự án theo Khoản 2 Điều này.

4. Đối với các khu đô thị, khu chung cư có Ban quản lý trực tiếp quản lý vận hành các dịch vụ công ích. Đơn vị cấp nước bán buôn thực hiện việc bán nước sạch cho một Ban quản lý phân phối, bán trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước.

Điều 6. Phát triển hệ thống cấp nước khu, cụm công nghiệp

1. Đối với khu công nghiệp

a) Nhà đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là chủ đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống cấp nước trong khu công nghiệp do mình quản lý.

b) Trường hợp hệ thống cấp nước khu công nghiệp đã được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp (đơn vị quản lý) chịu trách nhiệm quản lý, khai thác vận hành công trình. Đơn vị cấp nước bán buôn thực hiện cấp nước đến đồng hồ tổng, lưu lượng cấp nước, chất lượng nước do đơn vị quản lý thỏa thuận với đơn vị cấp nước. Việc quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, phân phối nước trong khu công nghiệp do đơn vị quản lý thực hiện.

c) Trường hợp đơn vị quản lý nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này thỏa thuận giao cho đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước sạch trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước trong phạm vi do mình quản lý (Đơn vị cấp nước bán lẻ). Đơn vị quản lý có trách nhiệm báo cáo Ban Quản lý các khu công nghiệp thống nhất trước khi thực hiện.

2. Đối với cụm công nghiệp

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng hệ thống cấp nước và thực hiện cấp nước bán lẻ trong phạm vi dự án do mình được giao làm chủ đầu tư. Chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị cấp nước về chất lượng, lưu lượng cấp nước đến đồng hồ tổng. Trách nhiệm quản lý dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp do chủ đầu tư thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ, về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

b) Trường hợp chủ đầu tư thỏa thuận giao cho đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước trong phạm vi do mình quản lý (Đơn vị cấp nước bán lẻ). Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện thống nhất trước khi thực hiện.

3. Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh. Giá nước sạch cho các mục đích sử dụng khác ngoài giá nước sạch sinh hoạt do đơn vị cấp nước tự quyết định và phải phù hợp với phương án giá nước sạch sinh hoạt được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Phát triển hệ thống cấp nước nông thôn

1. Các dự án, công trình cấp nước sạch nông thôn phải theo quy hoạch và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Tài sản được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn ODA, vốn đóng góp của cộng đồng, hiến tặng để xây dựng công trình cấp nước nông thôn chỉ được sử dụng cho mục đích phục vụ lợi ích của cộng đồng, không được chia hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

3. Xử lý tài sản khi thay đổi tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ cấp nước sạch nông thôn thực hiện theo Điều 6 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Điều 11 Thông tư Liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT của Liên bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Điều 8. Xây dựng, cập nhật, quản lý dữ liệu cấp nước

1. Dữ liệu hệ thống cấp nước

a) Đối với nhà máy nước: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, tính chất nguồn nước thô, công nghệ xử lý, chất lượng nước sau xử lý,...

b) Đối với trạm bơm: Đơn vị quản lý, vị trí, công suất, áp lực,...

c) Đối với mạng lưới đường ống (mạng chuyên tải, mạng phân phối): Đơn vị quản lý, vị trí, đường kính, chất liệu, thời điểm đầu tư, tình trạng sử dụng,...

d) Thông tin phục vụ: Công suất thực tế; chất lượng nước; số hợp đồng phục vụ, tỷ lệ thất thoát nước.

e) Dữ liệu cấp nước phải được cập nhật hàng quý.

2. Đơn vị cấp nước, chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật (có vận hành hệ thống cấp nước trong khu, cụm công nghiệp) thực hiện việc xây dựng dữ liệu về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trong phạm vi do mình quản lý và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và 01 năm (trước ngày 10 tháng 12) cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện.

3. Sở Xây dựng tổng hợp dữ liệu cấp nước sạch đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dữ liệu cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện tổng hợp dữ liệu cấp nước sinh hoạt trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 9. Kế hoạch phát triển cấp nước

1. Kế hoạch phát triển cấp nước được lập hàng năm và trung hạn 5 năm, đáp ứng được các nội dung theo Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP. Ngoài ra, tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch của đơn vị cấp nước, Kế hoạch phát triển cấp nước được bổ sung các nội dung về lộ trình

phương án điều chỉnh giá nước sạch, phương án giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch và các nội dung liên quan cấp nước an toàn.

2. Cấp nước sinh hoạt tại khu vực đô thị: Đơn vị dịch vụ cấp nước lập Kế hoạch phát triển cấp nước trình UBND cấp huyện thuộc địa bàn do mình phục vụ phê duyệt.

3. Đối với khu công nghiệp: Đơn vị thực hiện việc dịch vụ cấp nước trực tiếp đến khách hàng sử dụng nước trong phạm vi Khu công nghiệp chịu trách nhiệm lập, phê duyệt Kế hoạch phát triển cấp nước. Kết quả phê duyệt được gửi Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh để thống nhất theo dõi, quản lý.

4. Cấp nước trong Cụm công nghiệp: Kế hoạch phát triển cấp nước được lập theo Khoản 1 Điều này là một nội dung trong Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng do Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Đơn vị cấp nước lập, trình UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi trực tiếp thực hiện dịch vụ cấp nước đến khách hàng sử dụng nước trong phạm vi do mình phục vụ.

5. Cấp nước sạch nông thôn tập trung: Đơn vị được giao quản lý vận hành, khai thác công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý theo Điều 7 Quyết định 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh, quy định về phân cấp quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng, tổ chức thực hiện các Chương trình, Kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý đối với những vướng mắc trong hoạt động sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch thuộc phạm vi được quản lý.

b) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Thông tư, Quyết định của ngành Xây dựng liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước trong khu vực đô thị và Khu công nghiệp cũng như quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn theo các quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thẩm định Kế hoạch cấp nước an toàn theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2012/TT-BXD), tham mưu UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở sở Kế hoạch cấp nước an toàn do các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh xây dựng và đề nghị.

e) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước sạch đô thị và Khu công nghiệp về UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách về cấp nước nông thôn; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển hệ thống cấp

nước nông thôn trên địa bàn tỉnh. Xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý đối với những vướng mắc trong hoạt động sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch thuộc phạm vi được quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước trong khu vực nông thôn cũng như quản lý chất lượng xây dựng công trình cấp nước nông thôn trên địa bàn theo các quy định của pháp luật.

c) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình cấp nước sạch nông thôn về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án giá nước sạch sinh hoạt trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với tài sản của các dự án đầu tư xây dựng cấp nước sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc được chuyển giao cho đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước quản lý vận hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư xây dựng các dự án đầu tư phát triển cấp nước thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh.

b) Chủ trì thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn theo Luật Đầu tư công đối với đề xuất đầu tư công trình cấp nước sạch được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài đầu tư cho các công trình cấp nước sạch.

5. Sở Y tế

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng liên quan đến chất lượng cấp nước sinh hoạt. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch cho mục đích sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh) của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế; tổng hợp, đánh giá và báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

b) Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Tiêu chuẩn, Thông tư, Quyết định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành cho cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động này.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện việc thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

b) Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp nước; quản lý các nguồn thải, các nguy cơ có thể gây ô nhiễm các nguồn nước nhất là các khu vực thượng nguồn, khu vực khai thác phục vụ sản xuất nước sạch. Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các biện pháp phòng ngừa và khắc phục các vấn đề về ô nhiễm nguồn nước.

c) Tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc hướng dẫn, xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho các công trình khai thác sử dụng nước để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn công nghệ khuyến khích áp dụng đối với dây chuyền công nghệ xử lý nước sạch. Kiểm tra, đánh giá công nghệ đã được vận hành hoạt

động tại các dự án đầu tư xây dựng xử lý nước sạch, đề xuất xử lý theo chức năng, nhiệm vụ ngành.

b) Cập nhật và công bố thông tin khoa học, các nghiên cứu phát minh sáng chế được công nhận ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực cấp nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường đối với các phương tiện đo tại các đơn vị cấp nước.

8. Trách nhiệm của Cảnh sát phòng cháy chữa cháy (PCCC)

a) Thường xuyên kiểm tra đề xuất sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, thay thế các trụ nước chữa cháy, đảm bảo sự hoạt động của hệ thống các trụ nước chữa cháy luôn có nước với áp lực tối thiểu theo quy định;

b) Phối hợp với các đơn vị cấp nước xây dựng phương án quản lý, khảo sát, quy hoạch, lập bản đồ hệ thống trụ nước chữa cháy đô thị để đảm bảo khoảng cách, số lượng các trụ nước chữa cháy lắp đặt tại các đô thị; sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC. Đồng thời phối hợp với đơn vị cấp nước trong việc dự kiến kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác PCCC hàng năm và xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác PCCC từ hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng lượng nước thực tế cho đơn vị cấp nước;

9. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức lựa chọn và ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước trên phạm vi Khu công nghiệp do mình quản lý theo nội dung được quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

b) Phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

c) Phối hợp, hướng dẫn thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước do đơn vị cấp nước lập trên địa bàn do mình quản lý.

d) Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn khu công nghiệp về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6) và 01 năm (trước ngày 10 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước theo đề nghị của đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý theo Khoản 2, Khoản 4 Điều 9 Quy định này và quy định tại Khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Thỏa thuận nội dung Kế hoạch cấp nước an toàn và dịch vụ cấp nước của đơn vị cấp nước trên địa bàn do mình quản lý, đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng.

3. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý và tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn do mình quản lý theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD.

4. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định ranh giới cấm mốc và quản lý nguồn nước thô theo quy định; quản lý, bảo vệ đất để xây dựng các công trình cấp nước đã phê duyệt theo Quy hoạch.

5. Tổ chức, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn tổ chức phổ biến công khai đến nhân dân thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát cộng đồng về Quy hoạch cấp nước đã được UBND tỉnh phê duyệt.

6. Phối hợp với các sở, ngành trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung cấp nước sạch của các đơn vị cấp nước.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng đạt theo “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước ăn uống” do Bộ Y tế ban hành.

2. Đơn vị cấp nước căn cứ khung giá tiêu thụ nước sinh hoạt, quy chế tính giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch do Nhà nước ban hành xây dựng phương án giá nước sạch, lộ trình điều chỉnh giá nước sạch báo cáo Sở Tài chính thẩm định.

3. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp theo điều kiện cụ thể của hệ thống cấp nước tại địa bàn phục vụ do mình quản lý theo nội dung quy định tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD. Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển cấp nước, Kế hoạch thực hiện chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch.

4. Đảm bảo việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình, bảo đảm cân đối nhu cầu sử dụng nước đối với các mục đích sử dụng nước khác nhau.

5. Phối hợp với Cảnh sát PCCC xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC. Đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống trụ cấp nước PCCC trong phạm vi mạng lưới cấp nước do mình vận hành.

6. Tổ chức kiểm tra chất lượng nước sạch của các nhà máy nước theo định kỳ hàng tuần để bảo đảm nước cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định; báo cáo định kỳ kết quả xét nghiệm mẫu nước về Sở Y tế, Sở Xây dựng đối với các nhà máy cung cấp nước sạch trên địa bàn đô thị và khu công nghiệp; báo cáo về Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các nhà máy cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn; trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý kịp thời.

7. Chịu trách nhiệm xác định các điểm đấu nối vào mạng lưới cấp nước cho khách hàng sử dụng nước. Vị trí, hình thức, yêu cầu kỹ thuật phù hợp mỹ quan, an toàn, không ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tại điểm đấu nối.

8. Thông báo kịp thời cho các khách hàng sử dụng nước khi có sự cố xảy ra theo quy định và có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước.

9. Thực hiện bảo vệ nguồn nước, môi trường tại khu vực khai thác; lập hồ sơ thủ tục đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định hiện hành. Tổng hợp dữ liệu về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, báo cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong sinh hoạt, kinh doanh

Khách hàng sử dụng nước phải thực hiện các nghĩa vụ như: Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản. Tạo điều kiện để các đơn vị cấp nước kiểm tra, ghi chỉ số của đồng hồ nước; bảo đảm các trang thiết bị sử dụng nước đáp ứng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với đặc tính kỹ thuật trang thiết bị của đơn vị cấp nước.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và kiến nghị xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật trong hoạt động cấp nước.
2. Tổ chức hoặc cá nhân nào vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước được quy định tại Điều 10 Nghị định 117/2007/NĐ-CP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân thì đối tượng vi phạm phải bồi thường thiệt hại.
4. Các hành vi sai phạm, làm mất, hỏng hoặc làm mất tác dụng phương tiện PCCC; các hành vi gây cản trở hoạt động của lực lượng và phương tiện PCCC sẽ bị xử lý theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành xử phạt theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động cấp nước theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Cảnh